

BÁO CHÍ VÀ VĂN HỌC TRONG CHẶNG ĐẦU CỦA TIẾN TRÌNH HIỆN ĐẠI HOÁ

PHONG LÊ^(*)

Hiện đại hoá - cùng với cách mạng hoá, là hai yêu cầu lớn đặt ra trong đời sống dân tộc Việt Nam nói chung, và đời sống văn học-nghệ thuật nói riêng, trong thế kỷ XX, trong đó yêu cầu hiện đại hoá đã được thực hiện sớm trong sự gắn bó giữa văn học và phong trào báo chí-xuất bản, bắt đầu từ nửa sau thế kỷ XIX, và phát triển qua nhiều thời kỳ cho đến 1930 là năm kết thúc chặng đầu của nó.

Trên tiến trình ngót nửa thế kỷ phát triển của báo chí, văn học đã dần dần có đất đai rộng rãi cho sự xuất hiện của nó, với một gương mặt mới - gồm thơ, văn xuôi, dịch thuật, khảo cứu, nghị luận, phê bình... trong đó tiểu thuyết là thể văn hội được rõ nhất những dấu ấn hiện đại của tiến trình văn học dân tộc.

Báo chí và văn học đã có cơ hội đến với nhau ngay từ *Gia Định báo* (1865) ở Nam Kỳ trong mục Khảo cứu-Nghị luận, và trong các thông tri yêu cầu người viết bài phải bám chắc vào sự thật. Nhưng phải sang thế kỷ XX, mối quan hệ đó mới thật mật thiết khi phong trào báo chí chuyển ra Bắc Kỳ với vai trò của Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936), người đi đầu trong công cuộc truyền bá chữ Quốc ngữ, và có ý thức học tập cách thức làm báo ở phương Tây, sau chuyến đi dự Triển lãm thuộc địa ở Marseille năm 1906. Trở về nước sau chuyến đi, Nguyễn Văn Vĩnh thôi

luôn nghề công chức cấp cao cho chính quyền thuộc địa và đứng ra đảm nhiệm Chủ bút tờ *Đăng cổ tùng báo* (1907) có tiền thân là tờ *Đại Nam đồng văn nhật báo*- tờ báo đầu tiên bằng chữ Hán ở Hà Nội (1893). Ra đời vào thời điểm sôi nổi của phong trào Duy tân và Đông Kinh nghĩa thực, *Đăng cổ tùng báo* là nơi đăng tải một số tài liệu cổ động cho công cuộc canh tân đất nước như *Cáo hủ lậu văn*, *Phen này cắt tóc đi tu*, nên chỉ tồn tại từ số 28-3-1907 đến 14-11-1907 thì bị đình bản. Phải 6 năm sau,

(*) GS. Viện Văn học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam

khi *Đông Dương tạp chí* ra đời, thì hoạt động của Nguyễn Văn Vĩnh mới thật sự có tiếng vang, và có vị trí quan trọng trong đời sống báo chí, không riêng ở Hà Nội, mà còn được đón đợi trong các giới bạn đọc trí thức Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Đông Dương tạp chí ra số đầu ngày 15-5-1913 do F.H. Schneider làm Chủ nhiệm, Nguyễn Văn Vĩnh làm Chủ bút; có từ 16 đến 24 trang, tập hợp được các cây bút cựu học và tân học nổi tiếng nhất hồi bấy giờ như Trần Trọng Kim, Phạm Duy Tốn, Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Hữu Tiến... để chuyên lo cả hai phía học thuật và dịch thuật Đông Tây. ở số đầu *Đông Dương tạp chí* có phụ đề: édition spéciale du "*Lục tỉnh tân văn*", par Tonkin et l'Annam - có nghĩa: *Đông Dương tạp chí* là sự tiếp tục của *Lục tỉnh tân văn* trên địa bàn Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Cũng có nghĩa tờ báo ra đời trong chủ trương của chính quyền thuộc địa nhằm xoa dịu, ngăn cản phong trào yêu nước tưởng đã bị đàn áp dữ dội vào những năm 1908-1909, nhưng vẫn còn nhiều âm ỉ chưa yên. Thế nhưng, về phía khách quan, trong sự mở rộng và gắn nối một cách có ý thức hoạt động báo chí với văn chương - học thuật vào buổi đầu hiện đại hoá, *Đông Dương tạp chí* đã làm được nhiều việc quan trọng có ý nghĩa phổ cập và nâng cao dân trí trong một bộ phận trí thức dân tộc ở buổi giao thời.

Nhiều chục năm sau, *Đông Dương tạp chí* vẫn để lại được dấu ấn khá đậm trong tâm trí không ít học giả như Thiệu Sơn, Dương Quảng Hàm, Vũ Ngọc Phan. Theo Thiệu Sơn: "Tuy sống có bốn năm mà tờ *Đông Dương tạp chí*

ta phải kể là có công lớn trong cuộc xây dựng Quốc văn. Đọc *Đông Dương tạp chí* ta đều nhận thấy tên những nhà nếu còn sống thì là đàn anh trong làng báo, kiệu tướng trên văn đàn. Mà nếu đã quá cố đi rồi thì cũng còn để cái phương danh hoặc lưu lại chút sự nghiệp" (1, tr.66).

Dịch thuật trên hai khu vực Hán và Pháp, và sưu tầm, khảo cứu, nghị luận là đóng góp nổi bật của *Đông Dương tạp chí* trong 4 năm tồn tại, có giá trị một khởi động quan trọng nhằm định hình và hoàn thiện diện mạo nền Quốc văn mới vào những năm 20.

Có thể nói trong 4 năm tồn tại *Đông Dương tạp chí*, hoạt động báo chí trong gắn bó với văn chương học thuật đã chuyển dần sự phong phú và sôi nổi của nó ra địa bàn Hà Nội, sau một thời khá dài ngót 50 năm khởi động và chuẩn bị ở địa bàn Nam Bộ; để từ 1917 trở đi đã có thể dứt khoát bước vào một thời kỳ mới với vai trò của Tạp chí *Nam Phong*. Sau *Đông Dương tạp chí*, *Nam Phong* là tờ báo được chờ đón và sớm có công chúng rộng rãi vượt ra khỏi giới hạn Bắc Kỳ, Trung Kỳ rồi lại chuyển dần vào Nam Kỳ, qua sự tiếp nhận của một lớp trí thức, như Đông Hồ, Trúc Hà, Nguyễn Văn Kiêm, Mộng Tuyết... trong nhóm Trí Đức học xã. Và, tiếp tục sau *Nam Phong*, cho đến cuối những năm 20, đầu 30, một số báo chí ở Nam Kỳ như *Đông Pháp thời báo*, *Thần chung*, *Phụ nữ tân văn*... cũng có hoàn cảnh mở rộng dần công chúng ra phía Bắc, do sự phát triển của đội ngũ làm báo và viết báo trên cả ba kỳ; do sự thông thương Nam Bắc, ngoài đường bộ đã có thêm đường sắt, chạy từng chặng, cho đến 1936 thì có đường xuyên Việt. Hoạt động báo chí dần dần trở nên sôi

nổi trong sự đồng hành, sự cạnh tranh để tồn tại và phát triển trước nhu cầu càng lúc càng mở rộng của một thị trường báo chí và văn chương có nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển, so với các thập niên trước, theo xu hướng phát triển của đời sống đô thị, kết quả của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, diễn ra ngay sau kết thúc Đại chiến thế giới lần thứ nhất, trong những năm 20, dưới thời Toàn quyền Albert Sarraut.

Sự thật dần dần chứng tỏ: báo chí cần sử dụng và mở rộng địa bàn cho văn chương (gồm cả sáng tác và nghiên cứu - dịch thuật) để phát triển số lượng người đọc. Và văn chương cần dựa vào báo chí để rèn luyện và nâng cao khả năng diễn đạt, miêu tả, qua đó từng bước hoàn thiện các thể văn mới đến từ các ảnh hưởng phương Tây; và đưa tiếng Việt- Quốc ngữ lên tầm một ngôn ngữ phong phú, linh hoạt, có năng lực thể hiện mọi trạng huống sinh hoạt xã hội và tâm lý con người.

* *

*

Nếu có thể chia giai đoạn cho mối quan hệ báo chí- văn học ở chặng đầu của tiến trình hiện đại hoá thì giai đoạn 1 được kết thúc vào cuối Thế chiến thứ nhất với vai trò của Nguyễn Văn Vĩnh trên *Đông Dương tạp chí*; và giai đoạn 2 là những năm 20 với các đóng góp quan trọng của tạp chí *Nam Phong*.

Những năm 20 của thế kỷ XX, *Nam Phong tạp chí*, hơn tất cả các báo khác, là nơi đăng tải với số lượng nhiều hơn cả những truyện ngắn của nhiều tác giả, trong đó có người sự nghiệp viết được bắt đầu từ *Nam Phong*. Trong 17 năm tồn tại, kể từ 7-1917 cho đến 16-

12-1934, gồm 210 số, *Nam Phong tạp chí* đã đăng 84 truyện của một số người rồi sẽ trở thành những tên tuổi quen thuộc, bên cạnh nhiều cây bút mới trong giai đoạn 1930-1945.

Hai người có công khởi động nền truyện ngắn hiện đại là Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tốn đều mất sớm. Nguyễn Bá Học mất năm 1921, thọ 64 tuổi, để lại 9 truyện; Phạm Duy Tốn mất năm 1927, thọ 44 tuổi, để lại 3 truyện. Giá họ sống lâu thêm, chắc con đường văn chương của họ còn có nhiều đóng góp mới cho ta bàn.

Cùng với Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Mạnh Bổng, và cả Thiều Sơn, là những người khác như Tùng Văn, tác giả của 9 truyện ngắn trên *Nam Phong*; là Lê Đức Nhuận tác giả của 11 truyện, đăng liên tục trên *Nam Phong* từ số 193 (1933) đến số 210 (1934), trong đó có truyện như *Bữa cỗ nợ miệng* đọc không kém bất cứ tác giả nào viết về phong tục nông thôn trước 1945; thế mà sau 2 năm 1933-1934 bỗng mất hút tên tuổi, không còn thấy xuất hiện nữa.

Nam Phong tạp chí còn cho đăng tải, lối feuilleton (trích đoạn tiểu thuyết đăng dần ở nhiều kỳ báo), tiểu thuyết *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật trên suốt 11 kỳ báo, từ số 103 tháng 3-1926 đến số 111 tháng 1-1927. Và tiểu thuyết *Đời sùng đạn* của Tùng Toàn trong 9 kỳ báo, từ số 197 đến số 210 - năm 1934.

Là tờ báo vừa thông tin - khảo cứu, vừa văn chương - học thuật, *Nam Phong tạp chí* mở khá nhiều chuyên mục: Luận thuyết, Văn học bình luận, Triết học bình luận, Khoa học bình luận, Văn uyển, Tạp trở, Thời đàm... nhờ đó mà có sức chuyển tải một khối

lượng bài vở lớn và phong phú hơn bất cứ báo nào cùng thời, kể cả *Đông Dương tạp chí* - là tờ có phần nghiêng về khảo cứu và dịch thuật. Theo nhận xét của Thiếu Sơn: “Gần hai chục năm nay không biết Tạp chí *Nam Phong* có giúp được chút gì cho sự giữ gìn đạo đức trong dân gian không thì tôi không biết. Chứ thực tình nó đã giúp được sự mở mang tri thức trong quốc dân nhiều lắm” (1, tr.68).

Và Đào Duy Anh, trong hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*, năm 1972, có đoạn viết: “Tôi tự học văn học Việt Nam và biết viết Quốc văn phải nói thực một phần không ít là nhờ chuyên đọc Tạp chí *Nam Phong*. Trong khi dạy học ở Đồng Hới, đồng thời với việc học thêm chữ Pháp theo một chương trình nhất định, tôi không bỏ việc nghiên cứu Quốc văn và Hán văn, vẫn lấy Tạp chí *Nam Phong* làm công cụ chính” (2, tr.19). Hiện tượng đó tìm được sự giải thích trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội những năm 20 thế kỷ XX, sau khi Thế chiến lần thứ nhất kết thúc. Đời sống thành thị với sự hình thành một tầng lớp tiểu tư sản trí thức có hoàn cảnh phát triển, do chính sách khai thác thuộc địa lần thứ 2, dưới thời Toàn quyền Albert Sarraut. Cũng là những năm sôi động chuẩn bị cho cuộc chuyển giao từ chủ nghĩa yêu nước trên lập trường dân chủ tiểu tư sản qua chủ nghĩa yêu nước trên lập trường vô sản.

Cùng với *Nam Phong tạp chí*, nhiều tờ báo khác trên cả ba miền Bắc Trung Nam hồi này cũng đã là nơi đăng tải các sáng tác văn chương, chủ yếu là thơ và truyện. Nếu thơ, hầu hết đều hướng tới cái buồn sâu thẳm thời đại, theo các thể cổ hoặc lục bát quen thuộc, trừ một số bài theo lối từ khúc của Trần

Tuấn Khải, Tản Đà có ý nghĩa báo hiệu sự tự do hoá câu thơ, thì văn xuôi lại bao gồm nhiều xu hướng sáng tác với sự xuất hiện của nhiều gương mặt mới.

Cuối những năm 20, đầu 30, văn phong báo chí đã có một bước phát triển theo xu hướng vươn tới một ngôn ngữ chung có tính toàn quốc, cho cả Bắc và Nam. Một ngôn ngữ báo chí bớt dần chất khẩu ngữ và các dấu ấn địa phương để cho độc giả cả ba miền Bắc Trung Nam đọc lên nơi đâu cũng hiểu. Có sự tiến bộ đó một mặt do sự phát triển của Quốc văn sau nhiều chục năm tập dượt, mặt khác do sự lưu chuyển vào ra của đội ngũ người làm báo trên cả ba miền Bắc Trung Nam. Sau các tên tuổi đầu tiên đóng vai trò khai mạc ở Nam Kỳ, như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Diệp Văn Kỳ... là sự tiếp nối của đội ngũ làm báo ở Bắc Kỳ với vai trò khởi đầu là Nguyễn Văn Vĩnh. Một lớp người viết ở Bắc và Trung như Đào Trinh Nhất, Phan Khôi, Ngô Tất Tố, Tản Đà... sớm có hành trình chuyển dịch vào Nam; trong đó cuộc đi của Tản Đà theo lời mời và sự giúp đỡ đầy nghĩa hiệp của Diệp Văn Kỳ, quả có nhiều dư vị cảm động. Trong mối giao lưu Bắc-Nam ngày càng mật thiết, và với sự khánh thành con đường sắt xuyên Việt vào năm 1936, các tạp chí *Nam Phong*, các báo *Trung Bắc tân văn*, *An Nam tạp chí* ở Bắc Kỳ..., *Phụ nữ tân văn*, *Thần chung* ở Nam Kỳ... đều có thể nhanh chóng đến tay bạn đọc trên cả ba miền...

Cuối những năm 20, đầu những năm 30, diện mạo báo chí tiếp tục ghi nhận một cuộc cách tân về văn phong và về hình thức trình bày trên hai tờ *Hà thành Ngọ báo* và *Đông Tây* của nhóm Hoàng Tích Chu- Đỗ Văn, là hai

người, cũng như Nguyễn Văn Vĩnh 25 năm về trước, có dịp sang Pháp để học tập và áp dụng kỹ thuật in ấn của phương Tây.

Hà thành Ngọ báo do Bùi Xuân Học làm Chủ nhiệm, với Bộ biên tập gồm Hoàng Tích Chu, Đỗ Văn, Phùng Bảo Thạch, Trịnh Đình Bính, Vũ Đình Chí, ra số 1 - 10-8-1927, đến 15-8-1931 đổi là *Ngọ báo*. *Ngọ báo* ra đến 6-1936 thì đình bản.

Đông Tây do Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn chủ trương là “tạp chí văn học, nghệ thuật và khoa học”, ra số đầu ngày 6-11-1929 đến 1932 thì đình bản. *Đông Tây* ban đầu ra hàng tuần, rồi chuyển sang hàng ngày - khổ 60x80cm - đăng các truyện ngắn *Gò cây mít* của Hoàng Ngọc Phách (ký tên Hoàng Tùng), *Trương Chi*, *Bích Mã Lương*...

Những cải cách về hình thức, trình bày, cùng với kỹ thuật in ấn mới, do Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn chủ xướng sau khi ở Pháp về là rất gây ấn tượng. Vũ Bằng, người có ba truyện đầu tay được đăng trong mục *Bút mới* của *Đông Tây*, lần đầu tiên được thấy cái quảng cáo cho báo, to bằng cái chiếu treo ở Hàng Trống và Hàng Bài vẽ một người đỡ một quả cầu to tướng trên vai... Có lẽ, đây là lần đầu tiên, sứ mệnh người làm báo đã được tôn vinh bằng “quảng cáo” một cách đặc biệt như thế...

Nhận xét về hiệu quả các cải cách của Hoàng Tích Chu, Thiếu Sơn viết: “Cái văn của ông Chu là dựa theo cú pháp văn Tây, mới đầu có hơi trái tai phần nhiều độc giả Annam, bị nhiều người nổi lên công kích. Nhưng lần lần người ta cũng chịu nó là một lối văn rất thích hiệp cho sự viết báo mà đua nhau tập theo nhiều lắm” (1, tr.80-81).

Vũ Ngọc Phan gọi đó là câu văn cộc. Đó quả là một cuộc cách mạng văn phong, bởi nhìn về trước, và cho cả đến lúc này, câu văn xuôi Quốc ngữ còn chưa hết lối viết du dương, biền ngẫu, và nói chung là rất lê thê. Từ thời điểm những năm 30 trở về sau, dấu có ý thức hoặc không, văn phong báo chí đã bước vào một cuộc cải cách để trở nên gọn gàng, sáng sủa, linh hoạt; và sự biến đổi này là nằm trong bối cảnh tiến bộ chung của câu văn Quốc ngữ. Còn về hình thức, trình bày, trên các sáng kiến của Đỗ Văn qua hai tờ *Ngọ báo* và *Đông Tây*, báo chí đã chuyển sang một gương mặt mới.

Cùng thời, kể từ tháng 5-1923 ở Nam Kỳ, *Đông Pháp thời báo* của Diệp Văn Kỳ cũng có những cách tân đáng kể. Diệp đã bỏ ra cả ngàn đồng bạc Đông Dương để trả nợ cho Tản Đà, mời Tản Đà vào Nam cộng sự, và tìm sự cộng tác của nhiều cây bút uy tín ở Bắc Kỳ. Không chỉ cải cách về hình thức, kỹ thuật, văn thể, Diệp còn quan tâm “biến tờ báo thành một khí giới sắc bén để tranh đấu cho quyền lợi của đồng bào và đất nước” (1, tr.302). Do thế, *Đông Pháp thời báo* bị đóng cửa sau hơn 6 năm tồn tại. Không nản mỏi, Diệp cho ra tiếp tờ *Thần chung*, hoạt động cho đến tháng 3-1930.

* *

*

Vậy là sau hơn nửa thế kỷ ra đời - tính từ *Gia Định báo*, đến những năm 20 thế kỷ XX, văn học mới thật sự có đất đai rộng rãi cho sự hiện diện của nó trên các mặt báo, gồm thơ - theo các thể cổ, và lục bát; và truyện, gồm truyện ngắn, truyện nhiều kỳ, phóng tác, dịch thuật, nghị luận, khảo cứu, phê bình...

với vai trò chuẩn bị là *Đông Dương tạp chí* và đạt được sự phong phú, đa dạng của nó trên *Nam Phong*.

Nhìn vào diện mạo chung của nền Quốc văn mới, mà phần lớn là nhờ vào vai trò chuyển tải của báo chí thấy văn xuôi có bước phát triển rõ rệt nhất, vừa tiệm tiến, vừa đột biến theo mô hình phương Tây. Qua báo chí, thấy văn xuôi - với mục tiêu theo đuổi là tiểu thuyết, quả là thể văn nhận được sự thể nghiệm tích cực nhất của các thế hệ người viết, và luôn luôn nhận được sự chờ đợi của người đọc. Và do thế, ở tiểu thuyết - thấy có sự hội tụ rõ nét nhất những dấu ấn hiện đại của tiến trình văn học.

Một lịch sử văn xuôi Quốc ngữ hướng tới tiểu thuyết được bắt đầu từ *Kiếp phong trần* (1882) của Trương Vĩnh Ký, *Truyện thầy Lazarô Phiền* (1887) của Nguyễn Trọng Quản, rồi ngắt quãng hơn 20 năm, cho đến 1910 với các bộ *Phan Yên ngoại sử* (1910) của Trương Duy Toàn, *Hoàng Tố Oanh hàm oan* (1910) của Trần Chánh Chiếu, *Hà Hương phong nguyệt* (1912) của Lê Hoàng Mưu... Thế nhưng phải đến 1921 mới có một định nghĩa về tiểu thuyết đầu tiên trên *Nam Phong tạp chí* số 43 của Phạm Quỳnh:

“Nay cứ lý hội các tính cách chung của tiểu thuyết đời nay thì có thể giải nghĩa tiểu thuyết như thế này: Tiểu thuyết là một truyện viết bằng văn xuôi đặt ra để tả tình tự người ta, phong tục xã hội hay là những sự lạ, tích kỳ đủ làm cho người đọc hứng thú”.

Kể từ định nghĩa này, tiểu thuyết rồi sẽ xuất hiện với mật độ khá đậm trên cả ba miền, vào những năm 20 thế kỷ XX, bởi sự ưa chuộng của công

chúng rộng rãi. Tiểu thuyết - được gắn kèm với các định danh: tả chân, tâm lý, ái tình, trinh thám, phiêu lưu, lịch sử, dã sử... làm nên diện mạo hấp dẫn của nó, trước khi đi tới sự quy tụ thành hai dòng chính là *lãng mạn* và *tả chân*, chi phối văn đàn những năm 30 cho đến 1945, với mở đầu là *Hồn bướm mơ tiên* (1933) của Khái Hưng và kết thúc là *Sống mòn* (viết 1944, in 1956) của Nam Cao.

* *

*

Chọn điểm dừng ở năm 1930, bởi từ 1930 đến 1945 là một giai đoạn phát triển mới của đời sống, sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời; cũng là một giai đoạn mới trong sự phát triển của văn học, giai đoạn *hoàn thiện diện mạo hiện đại* của nó, trên cơ sở một phong trào báo chí xuất bản thực sự là bà đỡ, là người nuôi dưỡng cho văn chương học thuật có được một mùa màng bội thu, với các tác gia - tác phẩm đỉnh cao trên tất cả các khu vực: thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, các loại ký, phê bình, khảo cứu, nghị luận... Đóng góp nổi bật, và có vai trò quan trọng cho sự nuôi dưỡng đó là các tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*, *Tiểu thuyết thứ Bảy*, *Tao đàn*, *Tri tân*, *Thanh nghị*...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo giới và văn học Quốc ngữ. Nghệ thuật nhân sinh. H.: Văn hóa thông tin, 2000.
2. Đào Duy Anh. Nhớ nghĩ chiều hôm. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 1989.